

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ: Học kỳ 1 (2023-2024)

Lớp học phần: [23401007] - Bóng đá 2 (CCQ2217O,CCQ2217P)

MMH	STT	Thông tin sinh viên				Quá Trình 40%			TBTk	ĐIỂM THI	ĐIỂM HỌC PHẦN	Ghi chú
		Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Hệ số 1						
						1.0	2.0	3.0				
234010	1	2122170601	Ngư Thành	An	10/10/2004	7.0	8.5	6.8	7.3	10.0	8.9	
234010	2	2122170608	Dương Hoàng	Anh	07/01/2004	5.0	7.0	6.3	6.2	7.0	6.7	
234010	3	2122170567	Nguyễn Thành	Ánh	02/07/2004	8.0	9.0	5.5	7.0	6.0	6.4	
234010	4	2122170569	Trần	Bảo	02/09/2004	5.0	7.0	5.5	5.8	5.0	5.3	
234010	5	2122180122	Bùi Hữu	Bình	29/04/2000	5.0	7.0	5.5	5.8	9.0	7.7	
234010	6	2120050107	Đào Văn	Công	22/04/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	7	2122170586	Nguyễn Trường	Đang	10/11/2004	9.5	9.5	5.5	7.5	4.0	5.4	
234010	8	2122170615	Trần Văn Võ	Đăng	28/04/2004	8.0	9.5	6.8	7.8	5.0	6.1	
234010	9	2122170580	Trương Công	Danh	17/04/2004	8.5	9.0	6.8	7.8	8.0	7.9	
234010	10	2122110260	Thái Thành	Đạt	19/01/2004	9.5	9.0	8.5	8.9	9.0	9.0	
234010	11	2120110325	Nguyễn Khương	Duy	22/01/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	12	2122170627	Nguyễn Trọng	Duy	03/02/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	4.0	5.8	
234010	13	2122170641	Trần Quang	Duy	12/06/2004	8.0	9.0	5.5	7.0	6.0	6.4	
234010	14	2122170572	Lê Minh	Hải	18/08/2004	7.0	8.5	5.5	6.6	8.0	7.5	
234010	15	2122170628	Ngô Thành	Hải	05/10/2004	9.5	9.5	6.8	8.2	4.0	5.7	
234010	16	2122170605	Nguyễn Trương Nhi	Hào	12/02/2004	7.0	8.5	6.8	7.3	5.0	5.9	
234010	17	2122170636	Trần Minh	Hậu	01/12/2004	8.0	9.0	6.8	7.7	6.0	6.7	
234010	18	2122170587	Nguyễn Quang	Hiệp	26/08/2003	8.0	9.0	5.5	7.0	7.0	7.0	
234010	19	2122170609	Phạm Minh	Hiếu	18/05/2004	7.0	8.5	6.3	7.0	7.0	7.0	
234010	20	2122140029	Lê Đức	Hiệu	04/11/2004	9.5	9.0	8.5	8.9	4.0	6.0	
234010	21	2122170618	Võ Văn	Hoàng	24/07/2004	5.0	7.0	6.3	6.2	5.0	5.5	
234010	22	2122170576	Võ Đình Thụy Vĩnh	Học	10/02/2004	8.5	9.0	5.5	7.1	5.0	5.9	

234010	23	2122170644	Đặng Quang	Huy	27/06/2002	8.0	9.0	8.5	8.5	4.0	5.8	
234010	24	2122170634	Huỳnh Nhật	Huy	14/02/2004	8.0	9.0	5.5	7.0	7.0	7.0	
234010	25	2118030221	Lê Hoàng Minh	Kha	05/11/2000	4.0	6.0	5.5	5.3	5.0	5.1	
234010	26	2122170585	Nguyễn Quốc	Khánh	03/09/2004	7.0	8.5	5.5	6.6	4.0	5.1	
234010	27	2122170619	Phạm	Khiêm	22/02/2004	8.5	9.0	6.3	7.5	4.0	5.4	
234010	28	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/06/2003	8.0	9.0	8.5	8.5	4.0	5.8	
234010	29	2122170612	Nguyễn Quang	Lâm	23/06/2004	5.0	7.0	6.3	6.2	7.0	6.7	
234010	30	2122140028	Võ Minh	Lộc	20/05/2004	9.5	9.5	8.5	9.0	4.0	6.0	
234010	31	2122170590	Nguyễn Văn	Lợi	20/01/2004	8.0	9.0	6.8	7.7	4.0	5.5	
234010	32	2122170623	Lê Đức	Mạnh	03/04/2004	8.0	9.0	6.3	7.4	4.0	5.4	
234010	33	2122170326	Bùi Quang	Minh	17/11/2004	10.0	10.0	9.0	9.5	8.0	8.6	
234010	34	2121110137	Đinh Văn	Minh	01/10/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	35	2121170499	Lê Văn	Mỹ	15/09/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	36	2122170639	Lê Thanh	Nam	17/07/2003	4.0	5.0	6.3	5.4	6.0	5.8	
234010	37	2121170497	Nguyễn Hữu	Ngọc	19/09/2003	7.0	8.5	5.5	6.6	8.0	7.5	
234010	38	2122170625	Nguyễn Văn	Ngọc	02/09/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	39	2122170621	Trần Thanh	Nguyên	22/07/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	40	2122170571	Đỗ Thanh	Nhà	14/10/2003	8.0	9.0	6.8	7.7	5.0	6.1	
234010	41	2122170523	Nguyễn Duy	Phát	14/11/2003	4.0	5.0	8.5	6.5	8.0	7.4	
234010	42	2122170624	Nguyễn Thanh	Phát	19/02/2004	5.0	6.0	6.3	5.9	7.0	6.6	
234010	43	2122170610	Trần Đại	Phát	27/01/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	44	2122170622	Lê Nhật	Phong	18/05/2004	8.0	9.0	6.3	7.4	6.0	6.6	
234010	45	2122170640	Phạm Nguyễn Hoàng	Phúc	10/12/2004	9.5	9.5	6.3	7.9	4.0	5.6	
234010	46	2122170579	Lữ Nguyễn Minh	Quân	21/07/2004	8.0	9.0	5.5	7.0	9.0	8.2	
234010	47	2122170603	Nguyễn Hoàng	Quân	23/06/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	7.0	7.6	
234010	48	2122170578	Nguyễn Minh	Quân	21/07/2004	7.0	9.0	5.5	6.8	5.0	5.7	
234010	49	2122050032	Lê Nam	Quốc	26/03/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	6.0	7.0	
234010	50	2122170589	Nguyễn Chí	Quốc	06/11/2004	8.0	9.5	6.8	7.8	8.0	7.9	
234010	51	2122170643	Nguyễn Thành	Quốc	30/06/2004	8.0	9.0	6.8	7.7	4.0	5.5	
234010	52	2120110320	Nguyễn Việt	Quốc	14/07/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	53	2122170632	Lê Lý	Quyền	23/10/2004	8.0	9.5	6.3	7.5	9.0	8.4	

234010	54	2122170570	Vũ Mạnh	Quyền	13/01/2004	7.0	8.5	5.5	6.6	4.0	5.1	
234010	55	2122140027	Nguyễn Bùi Nhật	Sang	02/06/2004	9.5	9.0	8.5	8.9	4.0	6.0	
234010	56	2121060011	Hà Ngọc	Sáng	22/03/2003	7.0	8.5	6.3	7.0	4.0	5.2	
234010	57	2122120560	Phạm Ngọc	Tài	24/04/2004	9.0	9.0	8.5	8.8	4.0	5.9	
234010	58	2122170600	Phùng Đức	Tài	09/06/2004	6.0	6.0	6.8	6.4	5.0	5.6	
234010	59	2122170633	Lê Minh	Tâm	23/02/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	60	2122170591	Ngư Thanh	Tân	14/02/2004	8.0	9.0	5.5	7.0	8.0	7.6	
234010	61	2122170597	Hà Văn Thanh	Thái	22/06/2003	8.0	9.5	6.8	7.8	4.0	5.5	
234010	62	2122170630	Nguyễn Văn	Thành	25/08/2004	5.0	7.0	6.3	6.2	5.0	5.5	
234010	63	2122140013	Tô Minh	Thi	04/02/2004	9.5	9.0	8.5	8.9	9.0	9.0	
234010	64	2122170594	Nguyễn Cảnh	Thuần	21/10/2004	8.0	9.0	6.8	7.7	4.0	5.5	
234010	65	2122170642	Phạm Anh	Thy	05/12/2004	6.0	7.0	6.8	6.7	4.0	5.1	
234010	66	2122170582	Nguyễn Hồng	Tiến	09/10/2004	8.0	9.0	6.8	7.7	4.0	5.5	
234010	67	2122170646	Trịnh Trọng	Trí	09/02/2004	8.0	9.0	5.5	7.0	6.0	6.4	
234010	68	2122170606	Lê Văn	Trường	24/09/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	4.0	5.8	
234010	69	2122030194	Mai Nhật	Trường	27/09/1999	7.0	8.5	6.3	7.0	5.0	5.8	
234010	70	2122170614	Hồ Văn	Tuyển	08/03/2004	8.0	9.0	6.3	7.4	4.0	5.4	
234010	71	2122030132	Trần Văn	Vĩ	24/02/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	6.0	7.0	
234010	72	2122170592	Lê	Việt	04/11/2004	8.5	9.5	6.8	7.9	7.0	7.4	
234010	73	2122120324	Nguyễn Xuân	Việt	29/06/2003	7.5	8.5	6.3	7.2	8.0	7.7	
	Tổng cộng:					73	481.5	545.5	431.1	472.3		